

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Phó Thủ Tướng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị ngân hàng tiếp tục hạ thêm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng của dịch Covid-19

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DXG, CTG

[Vĩ mô/Chiến lược]

Triển vọng TTCK Việt Nam 2022

[Quan điểm đầu tư]

Ngoài vị thế nắm giữ trung hạn, NĐT tiếp tục được khuyến nghị có thể linh hoạt mua/bán trading 1 phần tỷ trọng ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ/kháng cự gần đối với các mã mục tiêu.

31/12/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,498.28	+0.83
VN30	1,535.71	+1.06
HĐTL VN30F1M	1,537.00	+0.75
HNXIndex	473.99	+2.67
HNX30	803.50	+1.98
UPCoM	112.68	+1.00
USD/VND	22,799	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.10	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.39	+68
Dầu (WTI, \$)	76.70	-0.38
Vàng (LME, \$)	1,818.24	+0.20



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,498.28 (+0.83%)
KLGD (triệu CP) 875.7 (+25.9%)
GTGD (triệu US\$) 1,144.6 (+18.4%)

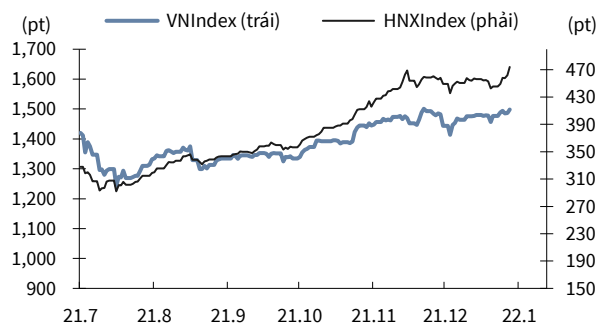
HNXIndex 473.99 (+2.67%)
KLGD (triệu CP) 107.6 (-12.3%)
GTGD (triệu US\$) 115.5 (-14.8%)

UPCoM 112.68 (+1.00%)
KLGD (triệu CP) 175.1 (+90.0%)
GTGD (triệu US\$) 86.7 (+14.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +6.6

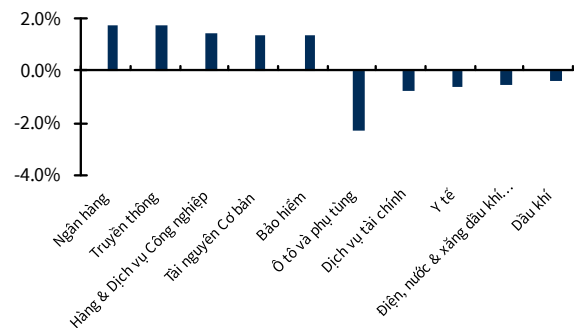
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Phó Thủ Tướng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị ngân hàng tiếp tục hạ thêm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tổng Thư ký VASEP nhận định, năm 2022, kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp cá tra Việt Nam đạt 1.7 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2021 giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá ở ASM (+0.9%). Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm quý IV/2021 ước tính tăng 14.8% so với cùng kỳ năm trước, theo đó ước tính cả năm 2021 doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm tăng 15,6% so với năm trước tác động tích cực đến cổ phiếu bảo hiểm ở MIG (+1.5%), PGI (+0.2%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (-0.1%), SSI (+6%), VCG (-2.1%).

VNIndex & HNXIndex



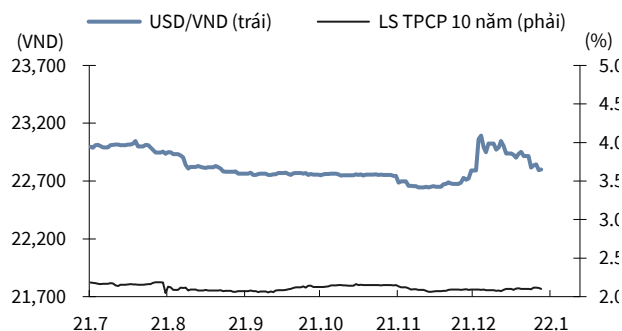
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

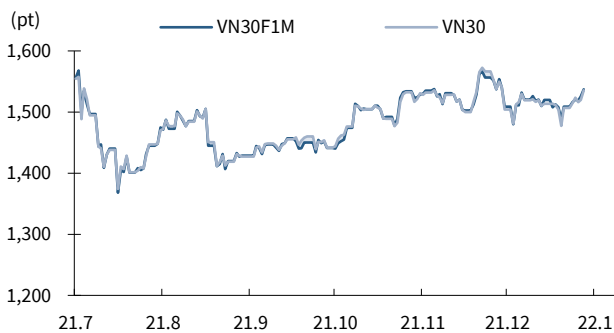
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,535.71 (+1.06%)
VN30F1M	1,537.0 (+0.75%)
Mở cửa	1,527.9
Cao nhất	1,542.0
Thấp nhất	1,527.3

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2201 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 2.9, chỉ biến động giằng co trong đầu phiên sáng, sau đó biến động duy trì ở mức dương tới cuối phiên, và tăng lên mức cao nhất đạt 10.12 điểm trước khi đóng cửa ở mức 5.88 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản giảm nhẹ.

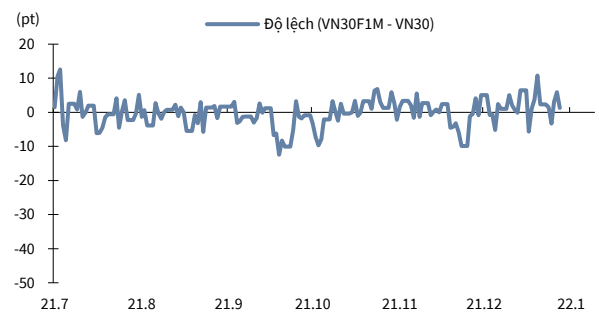
KLGD (HĐ) **106,394 (+3.0%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



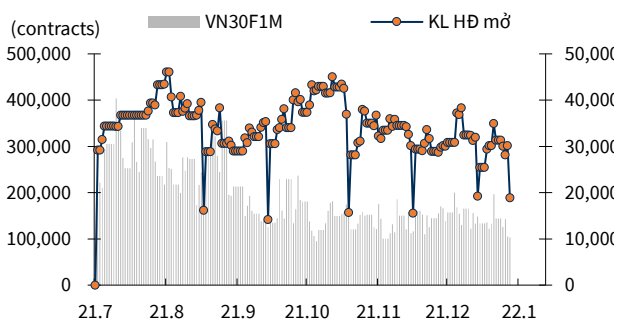
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



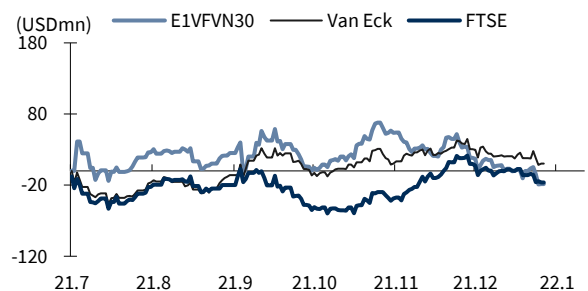
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

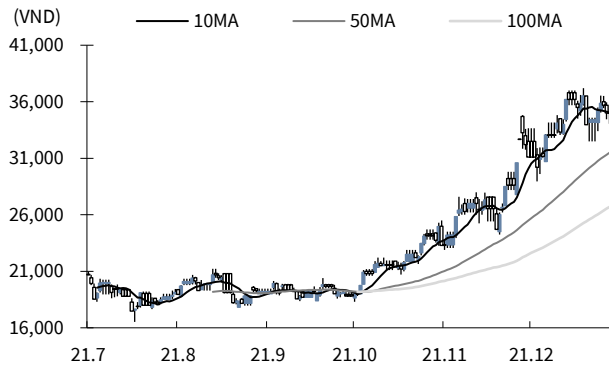
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

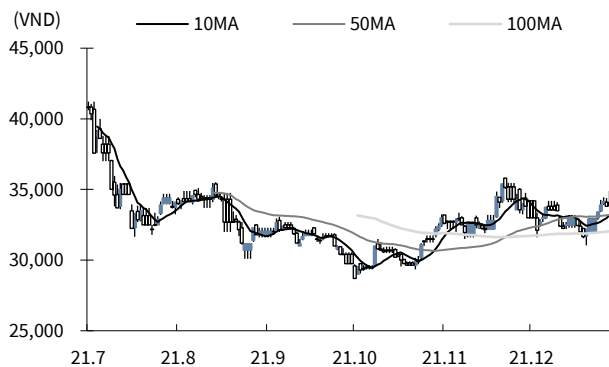
CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXG không thay đổi ở 35,000 VND/cp
- HĐQT Đất Xanh thông qua việc phát hành 200 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ và không kèm chứng quyền với kỳ hạn 48 tháng, lãi suất cố định 10.6%/năm để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của tập đoàn đồng thời phục vụ công tác phát triển quỹ đất. Tài sản đảm bảo là cổ phiếu của Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG tăng 0.3% lên 33,900 VND/cp
- Vietinbank và Central Capital mới đây đã ký kết hợp tác chiến lược toàn diện để phát triển các dự án bất động sản.
- Trước đó, Central Capital cũng đã hợp tác với VietinBank thành lập Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nhật, tạo công cụ để các nhà đầu tư Nhật Bản tiếp cận với các cơ hội đầu tư tiềm năng tại Việt Nam.

Triển vọng TTCK Việt Nam

2022

Phục hồi sau đại dịch

Xu hướng tăng của TTCK Việt Nam sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2022, khi các điều kiện của thị trường tiếp tục được cải thiện với 2 yếu tố kỳ vọng chính là dịch Covid-19 sẽ dần suy giảm khi chương trình tiêm chủng vaccine được triển khai hiệu quả và gói kích thích kinh tế của Chính phủ, trong bối cảnh định giá của chỉ số VNIndex vẫn đang ở mức hợp lý nhờ đà tăng của thị trường được hỗ trợ bởi tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao của nhóm các doanh nghiệp niêm yết trong năm qua.

Dù vậy, mức tăng vượt trội của thị trường như trong giai đoạn 2020-2021 nhiều khả năng sẽ không lặp lại, khi mà rủi ro đã tiềm ẩn xuất hiện ở 1 số yếu tố nền tảng như rủi ro lạm phát và mặt bằng lãi suất trong nước tăng, nợ xấu ngân hàng, các NHTW trên thế giới thắt chặt chính sách tiền tệ, tốc độ tăng trưởng chậm và rủi ro vỡ nợ của Trung Quốc... Theo đó, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ trải qua nhiều nhịp biến động mạnh tăng/giảm đan xen, đặc biệt trong giai đoạn nửa đầu năm khi các yếu tố thuận lợi/rủi ro dần định hình, với xu hướng tổng thể là tăng thoải và hướng tới mốc **điểm cân bằng của chỉ số VNIndex thời điểm cuối 2022 là 1,760 điểm, tương ứng mức P/E 17.5 lần và EPS bình quân các doanh nghiệp niêm yết tăng 15.7% so với cùng kỳ.**

Với việc động lực tăng trưởng chính của thị trường trong năm 2022 là sự phục hồi của nền kinh tế giai đoạn hậu Covid với lực đỡ từ gói kích thích kinh tế của Chính phủ, chúng tôi cho rằng nhà đầu tư nên hướng tỷ trọng cao của danh mục trong năm 2022 đến nhóm các doanh nghiệp tăng trưởng, hưởng lợi từ bối cảnh thuận lợi của kinh tế vĩ mô như sự phục hồi trong hoạt động chi tiêu, tiêu dùng trong nước, tăng trưởng xuất khẩu, Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, thu hút vốn FDI, và xu hướng chuyển đổi số... Trong khi đó, nhóm cổ phiếu mang tính phòng thủ được đánh giá sẽ không phải lựa chọn ưa thích của số đông.

Trong năm 2022, Bộ phận phân tích doanh nghiệp của chúng tôi đánh giá tích cực đối với triển vọng các ngành khu công nghiệp, bán lẻ, thủy sản, năng lượng, ngân hàng, bất động sản, dầu khí, công nghệ thông tin, cảng biển (*chi tiết về triển vọng ngành xem thêm ở phần VI của báo cáo*).

Trần Đức Anh
Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường
anhtd@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên chiến lược đầu tư
conghth@anhtd.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên chiến lược đầu tư
anhhtt@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên vĩ mô
quyenlh@kbsec.com.vn

31/12/2021

KBSV Top pick

Mã	Giá mục tiêu	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận kỳ vọng
TIP	81,550	23/11/21	68.7%
PPH	51,500	07/12/21	59.9%
HPP	107,500	22/12/21	52.9%
HPG	68,200	11/11/21	49.2%
CTI	39,100	17/12/21	45.9%
NTC	256,000	25/10/21	34.2%
TCB	65,600	17/11/22	33.1%
CTG	45,100	25/11/21	33.0%
MCH	151,200	30/12/21	32.6%
FPT	123,000	27/12/21	31.4%
VHM	195,600	12/12/21	29.4%
GAS	125,000	17/12/21	28.9%
MWG	168,800	17/11/21	25.7%
VNM	106,800	03/12/21	25.2%
DHA	68,200	02/11/21	23.8%
DRC	39,900	17/12/21	22.2%
SSH	121,700	20/12/21	21.8%
MCM	68,000	23/12/21	19.7%
GMD	56,300	28/12/21	19.0%
VPB	41,600	21/12/21	17.5%
BID	40,900	14/12/21	15.5%
PVT	27,500	13/12/21	15.5%
DPM	54,900	22/11/21	10.9%
DBC	77,100	05/11/21	7.1%
QTP	20,200	14/12/21	6.9%
CTD	114,700	01/12/21	6.7%

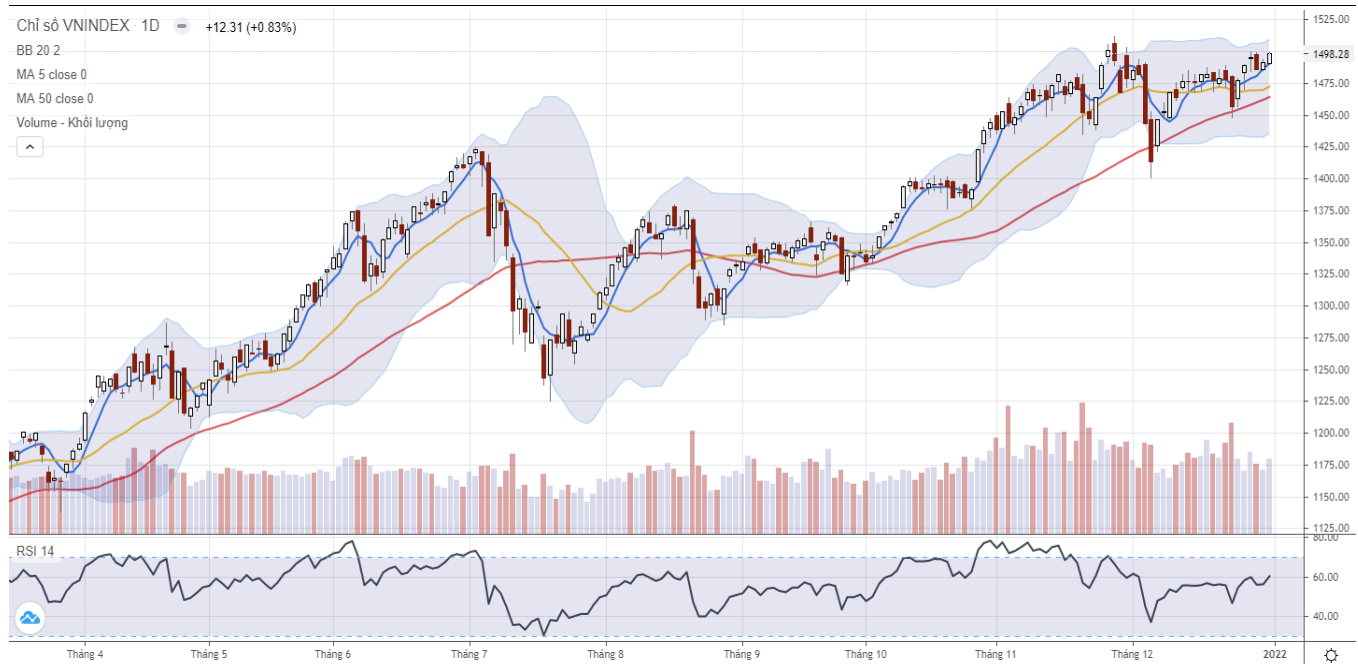
Chú thích: Lợi nhuận kỳ vọng tính theo giá đóng cửa ngày 30/12

"Nhà đầu tư tham khảo thêm danh mục đầu tư mẫu ở mục V của báo cáo"

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

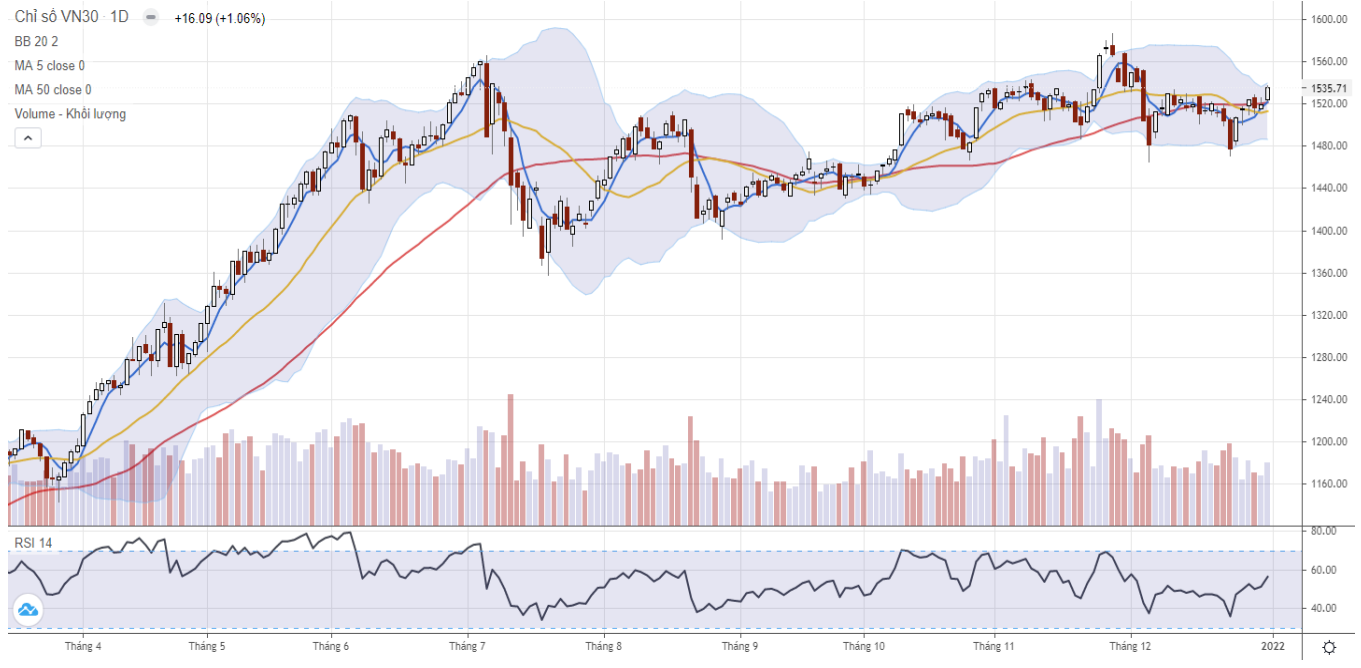
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



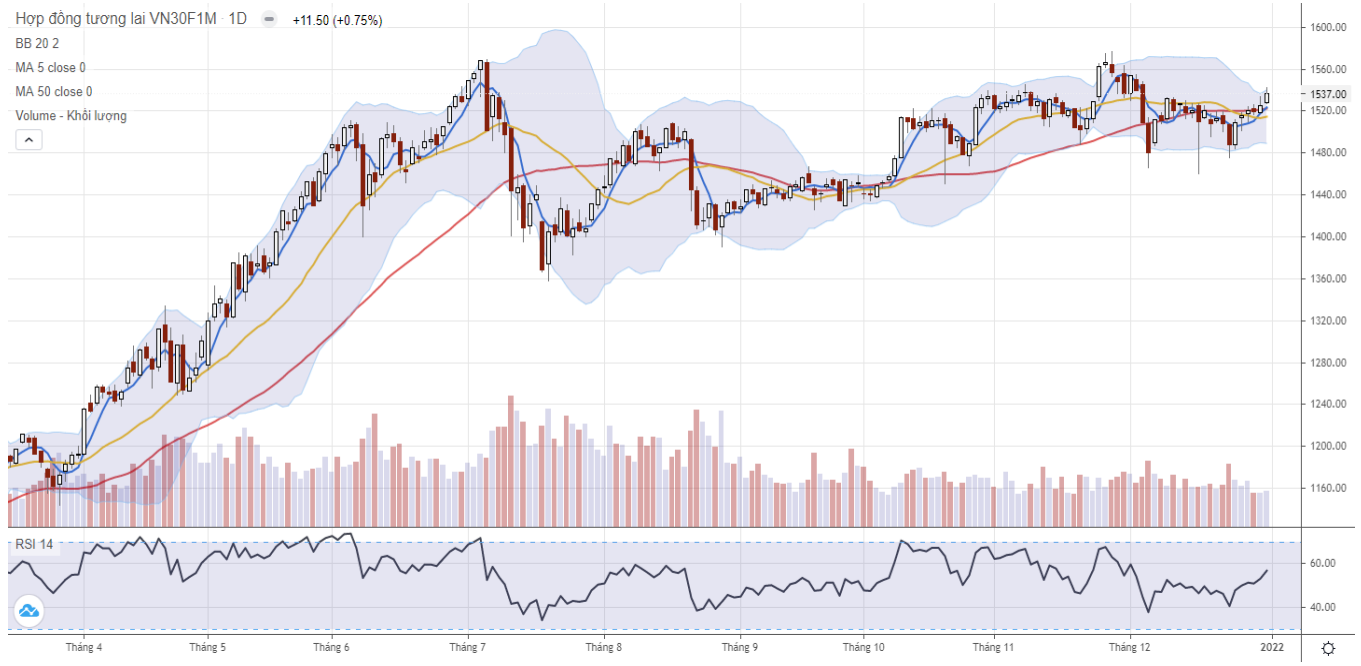
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex ghi nhận một phiên tăng điểm tích cực với đà tăng được duy trì đến cuối phiên.
- Áp lực chốt lời giá cao quanh vùng kháng cự quan trọng 1500 tiếp tục gây cản trở đà bứt phá của chỉ số. Mặc dù vậy, với việc duy trì được xung lực tăng điểm tích cực cùng thanh khoản cải thiện, cơ hội vượt cản và hướng tới vùng đích kỳ vọng kế tiếp tại quanh 1520 của VNIndex vẫn được đánh giá cao.
- Ngoài vị thế nắm giữ trung hạn, NĐT tiếp tục được khuyến nghị có thể linh hoạt mua/bán trading 1 phần tỷ trọng ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ/kháng cự gần đối với các mã mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1548 – 1552

Kháng cự gần: 1538 – 1540

Hỗ trợ gần: 1529 – 1531

Hỗ trợ xa: 1518 – 1522

- F1 ghi nhận một phiên tăng điểm tích cực với đà tăng được duy trì đến cuối phiên.
- Chỉ số không gặp nhiều khó khăn để vượt qua vùng cản gần tại quanh 1520, hiện đã đảo vai trò là điểm đỡ gần của chỉ số. Với việc duy trì được xung lực tăng điểm tích cực cùng thanh khoản cải thiện, cơ hội hướng tới vùng đích kỳ vọng kế tiếp tại quanh 1550 của F1 đang được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại các ngưỡng hỗ trợ hoặc Short tại kháng cự xa trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế Long khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ, nhưng dừng lỗ nếu bị phá vỡ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

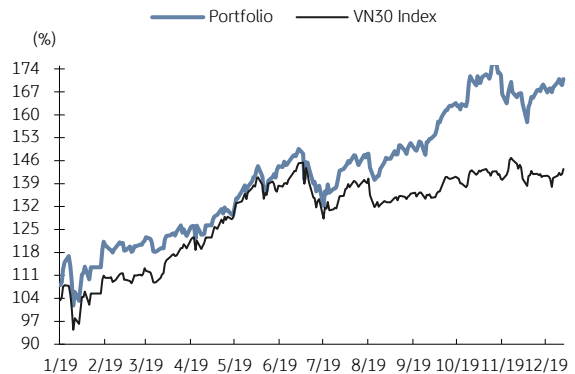
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.06%	1.10%
Tăng lũy kế (YTD)	43.42%	70.90%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 31/12/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	135,900	1.2%	73.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	64,200	2.7%	182.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	96,200	4.0%	20.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	194,000	0.8%	0.2%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	69,100	-1.1%	105.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,000	-0.6%	221.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,900	0.3%	78.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	96,200	-0.8%	32.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,400	1.5%	215.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	60,800	3.1%	330.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	3.1%	15.7%	60.2
DXG	0.0%	26.4%	52.3
STB	3.3%	17.6%	27.8
PNJ	4.0%	47.2%	19.7
DGC	1.2%	8.2%	15.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-0.3%	31.8%	-43.5
FUEVFNVD	0.9%	97.7%	-43.5
CTG	0.3%	25.6%	-30.4
SCR	-3.2%	0.5%	-4.4
SSI	-1.5%	38.3%	-5.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PTI	0.0%	37.7%	6.4
PVI	0.8%	56.9%	5.1
DL1	0.0%	0.4%	1.2
PSD	-1.2%	1.0%	1.0
ACM	9.7%	1.3%	0.9

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
GMA	0.00/0.00%	0.0%	-2.0
ART	0.00/0.00%	0.8%	-1.8
VIG	1808.8%	0.6%	-0.6
BNA	4020.1%	0.0%	-0.2
NBC	1843.3%	4.1%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	10.1%	YEG, ADG
Ngân hàng	4.1%	BID, VPB
Dịch vụ tài chính	3.9%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	2.5%	CII, CTD
Dầu khí	1.8%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-4.1%	GVR, DPM
Ô tô và phụ tùng	-2.9%	SVC, HHS
Y tế	-1.2%	DHG, TNH
Công nghệ thông tin	-1.0%	FPT, SAM
Bất động sản	-0.3%	VIC, VHM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	24.3%	YEG, ADG
Xây dựng và Vật Liệu	12.3%	CII, ROS
Ô tô và phụ tùng	10.9%	TCH, HHS
Ngân hàng	5.7%	BID, VCB
Thực phẩm và đồ uống	5.2%	MSN, HAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-16.0%	PME, DHG
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.5%	TCM, STK
Bảo hiểm	-2.4%	BVH, PGI
Tài nguyên Cơ bản	-1.4%	HPG, NKG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.9%	REE, LGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	312,522 (13.6)	22.5	98.2	69.1	14.7	4.2	5.7	4.0	3.7	0.1	-1.5	-9.4	-1.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	548,194 (23.9)	26.6	9.8	8.8	35.9	31.5	27.5	2.9	2.3	0.5	-1.1	-3.1	19.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	225,263 (9.8)	17.8	37.1	23.9	-7.6	6.1	9.0	2.2	2.0	-1.3	-3.7	1.0	-4.1
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	419,845 (18.3)	31.3	42.5	31.0	6.7	13.8	13.9	5.7	5.1	5.4	2.4	8.4	147.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	110,727 (4.8)	11.6	29.8	22.0	18.0	13.5	15.7	3.4	3.1	-2.1	0.0	9.8	91.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	383,421 (16.7)	13.9	16.3	13.1	-	16.5	16.4	2.4	2.0	0.0	1.7	7.0	152.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	95,723 (4.2)	6.3	18.9	15.8	11.7	20.5	20.4	3.3	2.5	0.5	0.4	1.7	2.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	79,058 (3.5)	12.7	20.4	15.4	-5.3	14.1	14.0	2.2	2.0	4.8	6.0	5.1	-2.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	443,093 (19.3)	0.0	10.2	8.5	14.3	20.9	19.7	1.9	1.6	1.4	2.2	-3.5	58.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	271,098 (11.8)	1.4	12.5	9.0	61.1	16.3	19.6	1.7	1.4	0.3	3.0	1.0	26.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	584,186 (25.5)	0.0	12.6	10.6	18.8	18.0	16.1	1.9	1.6	1.1	4.5	-5.0	98.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	226,117 (9.9)	0.0	9.1	7.6	14.6	21.7	21.7	1.8	1.4	1.6	2.7	-0.3	71.2
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	175,328 (7.7)	4.2	10.7	9.6	23.3	20.9	19.9	2.1	1.7	0.8	7.5	1.1	62.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	480,204 (21.0)	14.0	19.1	14.4	26.5	10.0	11.4	1.7	1.5	3.3	11.7	9.0	86.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	237,594 (10.4)	0.0	13.7	11.2	37.5	21.2	20.2	2.5	2.1	0.7	4.6	22.9	106.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	32,615 (1.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.3	8.0	23.0	75.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	49,667 (2.2)	21.0	22.5	18.9	15.8	9.1	10.1	1.9	1.8	1.6	0.0	-8.2	-15.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	25,779 (1.1)	14.2	21.8	18.8	9.1	10.9	12.6	2.0	1.9	0.3	-2.0	-3.3	71.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	913,201 (39.9)	55.4	22.7	24.7	-3.2	17.7	13.7	-	-	-1.5	5.6	-7.3	136.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	202,841 (8.9)	71.9	17.5	-	-4.0	25.0	25.8	-	-	-1.5	1.5	-8.8	150.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	193,079 (8.4)	52.4	17.2	-	-19.0	23.0	21.4	-	-	-1.0	3.4	-7.1	90.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	511,083 (22.3)	27.2	-	-	36.3	31.7	19.8	-	-	-1.0	2.6	3.8	336.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	144,678 (6.3)	42.1	17.9	16.9	4.0	33.3	33.8	5.4	5.2	1.3	0.5	-1.4	-20.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	20,334 (0.9)	36.9	27.8	22.4	7.3	17.6	19.4	4.3	3.8	1.4	2.7	-1.9	-22.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	634,015 (27.7)	16.5	39.3	31.1	-51.9	31.6	23.1	9.2	7.1	-0.3	0.0	14.6	92.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	214,531 (9.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-5.8	-2.4	38.9	-15.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	96,517 (4.2)	11.0	-	55.9	-88.5	1.0	10.1	-	-	1.8	3.5	4.7	2.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	73,993 (3.2)	10.8	39.5	26.8	-57.0	8.6	12.2	2.4	2.3	0.0	3.4	-5.0	45.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	405,259 (17.7)	38.4	187.5	25.0	65.7	1.3	8.2	2.2	2.1	0.0	19.0	56.2	116.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	444,031 (19.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.7	9.7	96.2	437.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	562,487 (24.6)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	7.0	10.2	-9.5	147.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	77,348 (3.4)	3.6	60.1	21.6	-52.4	1.6	4.5	1.0	0.9	1.9	13.2	36.9	40.9
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	51,382 (2.2)	0.0	12.6	10.0	-4.5	11.9	13.2	1.5	1.4	-1.1	-3.8	-2.0	41.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	80,695 (3.5)	46.1	19.0	15.6	-17.5	19.7	22.3	3.7	3.3	-0.8	0.5	-2.1	11.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	50,264 (2.2)	31.4	13.8	10.3	-10.5	12.6	15.7	1.7	2.1	-0.2	0.8	17.9	6.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	8,590 (0.4)	34.1	17.3	13.2	-5.1	8.9	11.6	1.5	1.5	-0.4	-3.8	4.8	-1.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	808,983 (35.3)	18.0	5.6	6.6	21.9	45.3	29.6	2.1	1.6	1.5	0.8	-5.2	51.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	274,553 (12.0)	36.5	8.0	10.2	-0.5	28.4	19.3	2.0	1.8	-0.8	-8.8	-0.8	166.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	239,766 (10.5)	46.5	15.7	11.4	-4.5	19.8	22.4	2.8	2.6	0.8	-2.0	-3.4	162.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	232,460 (10.1)	38.9	6.0	6.8	67.9	25.0	19.2	1.3	1.1	1.4	4.8	-5.4	85.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	159,259 (7.0)	97.2	25.3	22.1	17.2	-	-	1.4	1.4	-3.8	-5.4	19.9	54.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	63,334 (2.8)	4.6	24.9	17.2	-51.0	14.7	16.3	3.0	3.0	-0.2	1.7	-0.4	-1.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	158,152 (6.9)	39.9	177.3	25.0	-11.9	0.5	4.2	0.9	0.9	-1.7	2.6	9.0	83.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	55,183 (2.4)	35.9	11.6	9.3	1.2	14.3	16.7	1.5	1.4	1.3	1.3	2.1	72.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	111,957 (4.9)	0.0	21.1	15.3	13.7	26.6	28.3	4.8	3.9	1.2	1.0	-2.2	71.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	39,330 (1.7)	0.0	23.5	16.1	2.4	18.4	22.9	3.9	3.3	4.0	1.6	-1.7	18.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	12,813 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	4.1	15.1	50.0	-44.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	109,069 (4.8)	30.3	47.4	46.8	-75.2	13.4	12.6	6.1	5.6	-4.1	6.5	72.8	213.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	43,677 (1.9)	34.6	25.8	10.4	41.2	13.4	30.4	2.9	2.6	0.7	-3.1	-3.5	13.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	7,476 (0.3)	45.4	18.9	17.9	10.7	21.7	21.1	3.8	3.5	-0.8	-4.3	9.7	8.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	339 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	116,657 (5.1)	0.0	20.1	16.5	15.5	24.0	25.3	4.3	3.9	-0.6	-0.9	-4.2	81.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.